

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 325/2020/DS - ST

Ngày: 22/12/2020.

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.
- Các Hội thẩm nhân dân:

**Ông Phạm Văn Bé**

**Bà Nguyễn Thị Nhàn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Quý** – kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1939.

Cư trú: ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

\* Bị đơn: **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1970;

**Nguyễn Thị T**, sinh năm 1972.

Cùng cư trú: ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của anh Thiếu: Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1972

Cư trú: ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Võ Thị K, sinh năm 1940;

Nguyễn Nhật K, sinh năm 1993.

Cùng cư trú: ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang

(Ông G, chị T có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông G trình bày:

Ông là cha của Nguyễn Quốc T, là cha chồng của Nguyễn Thị T. Nguồn gốc diện tích 3.244,5m<sup>2</sup>, thửa đất số 414, tờ bản đồ số 21 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05602 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 17/4/2008 cho Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thị T đứng tên là của ông. Năm 1990 tôi tự nguyện cho con là Nguyễn Quốc T (nay là Nguyễn Quốc T) diện tích 20 sào đất ruộng, đến khi đoàn 301 Cửu Long xuống đo đạc thì ông cho 10 sào đất nữa, tổng cộng là 30 sào. Khi ông cho đất có nói “để cho mày đứng sổ đỏ để tao sống với mày” để khi già thì Quốc T nuôi ông chỉ nói miệng không có làm giấy tờ gì nhưng sau này Quốc T ăn nhậu, say sỉn, không có nuôi dưỡng ông nên ông chỉ đòi lại diện tích 1.000m<sup>2</sup> đất lúa, thuộc thửa đất số 414, tờ bản đồ số 21, đất tại ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Ông cũng biết Quốc T bị bệnh tật nguyên, khôn làm gì nổi, hiện do vợ con nuôi dưỡng. Ông xác định từ trước đến nay, ông và vợ không sống chung với Quốc T mà sống ở nhà riêng của vợ chồng.

Nay, ông yêu cầu Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thị T trả lại diện tích 1000m<sup>2</sup> đất lúa, thuộc thửa đất 414, tờ bản đồ số 21, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nêu trên.

\* Theo án tự khai, biên bản hòa giải bị đơn đồng thời đại diện ủy quyền của anh T là chị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc T (trước đây là Nguyễn Quốc T) là vợ chồng cưới nhau từ năm 1989, là con trai và con dâu của ông G. Nguồn gốc diện tích 3.244,5m<sup>2</sup> là của ông G cho anh T từ năm 1990, anh T và chị đã quản lý, sử dụng và đóng thuế từ đó đến nay. Đến năm 1999 thì anh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 205 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 05/10/1999 đến năm 2008 thì được cấp lại với diện tích 3.244,5m<sup>2</sup>, thửa đất số 414, tờ bản đồ số 21, theo giấy chứng nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05602 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 17/4/2008 cho Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thị T đứng tên.

Trước đây, khi ông G cho đất vợ chồng chị thì ông không có đặt điều kiện gì hết. Năm 1992 thì anh Thiếu bị mổ ruột thừa, gãy tay, gãy chân, nghiện rượu, anh có biên bản giám định khả năng lao động mất 10% sức lao động, khoảng 20 năm nay, anh T không lao động được, sinh hoạt cá nhân của anh cũng không tự làm được, do vợ, con nuôi. Đồng thời từ trước đến nay, cha mẹ chồng không có sống chung với vợ chồng chị. Phần đất này hiện tại do chị quản lý, sử dụng, canh tác để nuôi chồng, nuôi con cũng như để chăm sóc anh T sau này. Hơn nữa, khi cha mẹ chồng cho đất thì không có đặt điều kiện gì.

Nay, chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông G, không đồng ý trả lại diện tích 1.000m<sup>2</sup> đất.

\* Tại biên bản lấy lời khai bà K trình bày:

Bà và ông G là vợ chồng. Trước đây, vợ chồng bà có cho con là Nguyễn Quốc T (sau này là Nguyễn Quốc T) các phần đất mà Quốc T đã đứng tên. Bà đã cho con rồi thì bà không có quyền đòi lại, hơn nữa, bà cũng động viên, khuyên ông

G rút đơn nhưng ông không chịu nên ông muốn làm gì thì làm, bà không có ý kiến, bà không tham gia tố tụng tại Tòa án. Quốc T đã bị bệnh không lao động được đáng lẽ cho thêm không cho mà ông G còn đi đòi lại nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông G.

Bà và ông G từ trước đến nay sống ở nhà riêng, không có sống chung với Quốc T, nhà 03 căn chữ đình, lợp ngói + tole xi măng. Các phần đất trước đây vợ chồng bà cho anh T không có điều kiện gì hết vì Quốc T không có khả năng lao động, con trai cũng như con dâu chăm sóc bà bình thường.

\* Tại bản tự khai anh K trình bày: Anh là con của ông T, bà T. Trước đây, ông nội tên Nguyễn Văn G có cho cha mẹ anh diện tích đất 3000m<sup>2</sup>, đây là sự tự nguyện của ông, khi cho không có điều kiện gì. Nay, ông nội anh tranh chấp đòi lại 1000m<sup>2</sup> đất, anh không đồng ý vì ông nội đã cho cha mẹ anh rồi. Cha anh đã mất khả năng lao động, diện tích đất trên để cho mẹ anh canh tác nuôi cha anh và chăm sóc cho cha anh lúc ốm đau.

***\* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn G và Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thị T là tranh chấp đòi lại tài sản được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự và được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị K, anh Nguyễn Nhật K có đơn xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà K, anh K.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, ông G vẫn giữ yêu cầu anh T, chị T trả lại diện tích 1000m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất 414, tờ bản đồ số 21, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05602 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 17/4/2008 cho Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thị T đứng tên, đất tại ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông G là không có cơ sở, bởi lẽ vào năm 1990 ông tự nguyện cho anh Nguyễn Quốc T (trước đây là Nguyễn Quốc T) diện tích 3.040m<sup>2</sup>

đất lúa, thửa đất số 528, tờ bản đồ số 4, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 205 do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 05/10/1999 cho anh Thiều đứng tên đến năm 2008 được cấp lại với diện tích 3.244,5m<sup>2</sup>, thửa đất số 414, tờ bản đồ số 21, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05602 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 17/4/2008 cho Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thị T đứng tên. Ông G cho rằng khi cho đất ông có đặt điều kiện là để sau này anh T nuôi ông nhưng anh T không nuôi nên ông khởi kiện đòi lại một phần diện tích là 1000m<sup>2</sup> đất. Việc ông có đặt điều kiện khi cho đất chỉ bằng lời nói và không có chứng cứ chứng minh.

Tuy nhiên, vào năm 1992 anh T bị mất 10% sức lao động theo biên bản giám định y khoa huyện Gò Công Tây, Tiền Giang vào ngày 20/4/1992 và từ đó đến nay anh T bị nghiện rượu dẫn đến anh không lao động được và sinh hoạt cá nhân anh cũng không tự thực hiện được, điều này được ông G thừa nhận tại phiên tòa. Như vậy, anh T không tự lo cho bản thân anh được thì việc nuôi dưỡng, chăm sóc ông G là điều không thể xảy ra. Mặt khác, việc ông G hiện nay vẫn còn tài sản khác là quyền sử dụng đất diện tích 1.421,8m<sup>2</sup>, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01659 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 06/10/2008 và diện tích 3.954,2m<sup>2</sup>, thửa đất số 456, tờ bản đồ số 21, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01658 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 06/10/2008 đều cấp cho ông G và bà K đứng tên. Như vậy, ông có đủ tài sản, điều kiện để ổn định cuộc sống sau này. Hơn nữa, bà K là vợ ông G cho rằng vợ chồng bà có cho con là Nguyễn Quốc T (sau này là Nguyễn Quốc T) các phần đất mà anh T đã đứng tên. Bà đã cho con rồi thì bà không có quyền đòi lại, hơn nữa, bà cũng đồng viên, khuyên ông G rút đơn nhưng ông không chịu.

Tự nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định ông G không có quyền đòi lại tài sản là diện tích 1000m<sup>2</sup> đất nêu trên là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu nguyên đơn không được chấp nhận nên ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do ông G là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên được miễn nộp án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G về việc yêu cầu anh Nguyễn Quốc T, chị Nguyễn Thị T trả lại diện tích 1000m<sup>2</sup> đất, thuộc thửa 414, tờ bản đồ số 21, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05602 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 17/4/2008 cho Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thị T đứng tên

**\* Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Nguyễn Văn G được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án. Riêng bà K, anh K kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**(ĐÃ KÝ)**

**Phan Thanh Bình**

**Về nội dung:** Tại phiên tòa, chị Huyền xin ly hôn, nguyên nhân do anh Tiến có nhiều bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, anh Tiến bảo chị nghỉ việc ở Sài Gòn về quê bên nhà của anh Tiến để làm, anh Tiến bỏ chị ra ngoài sống riêng 02 lần, không cần sự đồng ý của chị. Ngoài ra, chị và anh Tiến hay cãi vã, gây gổ về vấn đề tiền bạc. Từ tháng 10/2016 đến nay anh Tiến đã bỏ chị về sống với cha mẹ anh, không còn quan tâm gì đến chị nữa nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, chị và anh Tiến không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh

Tiến. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Tiến thừa nhận mâu thuẫn chị Huyền trình bày là có nhưng do vợ cố chấp, vợ tự động bắt con đi mà không hỏi ý kiến của ai, anh bỏ đi 03 lần là để vợ nhận ra cái sai của mình.

Xét thấy mâu thuẫn ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày là có nhưng anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm, trong thời gian ly thân cũng như trong thời gian Tòa án hòa giải đoàn tụ, anh cũng không chủ động hàn gắn với chị Huyền. Hơn nữa, trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cũng không có kết quả. Anh Tiến không đồng ý ly hôn, anh đưa ra thời gian để hàn gắn đến cuối năm 2017 nhưng với điều kiện chị Huyền thay đổi thì anh sẽ thay đổi. Lời trình bày nêu trên cho thấy anh Tiến cho thấy anh không còn tha thiết gì đến tình cảm vợ chồng cũng như hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Huyền yêu cầu ly hôn với anh Tiến là hoàn toàn có căn cứ cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

**Về con chung:** Anh chị có 01 con chung tên Đinh Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 hiện đang sống với anh Tiến, ông Tửu, bà Nga. Ly hôn, chị Huyền yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Chi; không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con. Anh Tiến cũng yêu cầu được nuôi cháu Chi; không yêu cầu chị Huyền cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con của chị Huyền là có cơ sở bởi cháu Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 đến nay cháu mới hơn 02 tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Mặc khác, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chi của anh chị cũng như có xem xét đến hoàn cảnh, môi trường sống của cháu Chi để xét yêu cầu nuôi con của anh Tiến, chị Huyền. Từ nhận định nêu trên, cần giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Tuy nhiên, cháu Quỳnh Chi hiện đang sống với anh Tiến, vì công việc nên ông Đinh Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga là ông bà nội của cháu trực tiếp nuôi dưỡng. Do cháu Quỳnh Chi được giao cho chị Huyền nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử cần buộc anh Tiến, ông Tửu, bà Nga giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Huyền không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày, anh xin đến cuối năm 2017 sẽ đoàn tụ nhưng chị Huyền cũng phải sửa đổi thì anh sẽ sửa đổi để hàn gắn như vậy, anh Tiến không có thiện chí trong việc vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huyền. Về con chung, chị Huyền tha thiết được nuôi

dưỡng cháu Quỳnh Chi, chị có đủ điều kiện để được nuôi cháu Chi tốt nhất, hiện chị đang công tác tại Chi cục thuế quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh, có thu nhập và nơi ở ổn định, hơn nữa cháu Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 hơn 02 tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huyền được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Chi, không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung và nợ chung:** chị Huyền, anh Tiến khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về án phí:** Chị Huyền phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Huyền.**

- **Về tình cảm:** Cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được ly hôn với anh Đinh Nguyễn Nhật Tiến.

- **Về con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được nuôi dưỡng con chung tên Đinh Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015. Chị Huyền không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Đinh Nguyễn Nhật Tiến, ông Đinh Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga có nghĩa vụ giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- **Về án phí HNST:**

Chị Nguyễn Thị Thu Huyền phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 34889 ngày 13/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị Huyền đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Tửu kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

\* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C.c. THADS huyện CG ;
- Dương sự (để thi hành);
- UBND xã Anh Thạnh Thủy;.
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thanh Bình**